TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22 -11-2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Hằng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lương Tuất Mạnh
2. Ông Đỗ Ngọc Sơn

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 22/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 241/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1985
Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.
Có mặt.
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1986
Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.
Vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/8/2019, bản tự khai ngày 04/9/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 3/2003 không có đăng ký kết hôn, nhưng được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do tính tình không hợp, anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, nên anh chị thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên đã tham gia khuyên bảo hòa giải nhiều lần, nhưng anh chị vẫn không khắc phục

được mâu thuẫn, mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Do không khắc phục được mâu thuẫn nên chị và anh T đã tự sống ly thân từ tháng 8 năm 2008 đến nay, trong thời gian sống ly thân hai bên không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau. Nay xét thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị Trần Thị H trình bày trong thời gian chung sống anh chị có hai người con chung là cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 12/3/2004 và cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 02/12/2005, cháu Nguyễn Văn Đ khỏe mạnh và phát triển bình thường, còn cháu Nguyễn Văn H bị khuyết tật không có một số ngón tay và ngón chân, hàng tháng cháu được hưởng chế độ của nhà nước. Do công việc hiện nay chị đi làm thuê nên chị gửi cả hai cháu nhờ ông bà nội chăm sóc, hàng tháng chị thăm nom các con và gửi tiền để ông bà chăm sóc các cháu. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu, chị không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Đối với cháu Nguyễn Văn Đ và cháu Nguyễn Văn H tại biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên ngày 08/9/2019 các cháu đều có nguyện vọng được mẹ đẻ là chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Trần Thị H trình bày trong thời gian chung sống chị và anh Nguyễn Văn T không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn T, trong quá trình giải quyết vụ án, anh vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết các các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh Nguyễn Văn T vẫn không có văn bản trả lời ý kiến và không có mặt theo giấy triệu tập.

Về việc cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ, chứng minh về nhân thân, địa chỉ thường trú, chứng cứ về việc có con chung, chứng cứ chứng minh về công việc và thu nhập cá nhân. Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân, vì các đương sự không có đăng ký kết hôn và cũng không tiến hành hoà giải được về việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung, vì anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xác định: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân theo trình tự pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử không công nhận chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Đề nghị xử giao cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 12/3/2004 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và xử giao cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 02/12/2005 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Đề nghị tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Trần Thị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" với anh Nguyễn Văn T (địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai). Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh là phù hợp với quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 3 năm 2003 không có đăng ký kết hôn, nhưng được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp và chị nghi ngờ anh có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên anh chị thường xuyên cãi chửi nhau. Do không khắc phục được mâu thuẫn nên chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 8/2008 đến nay. Tại phiên toà hôm nay chị Trần Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Đối với anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh không có mặt và cũng không có văn bản trả lời. Xét thấy việc chung sống của chị Hồng và anh T là bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì vậy xét yêu cầu ly hôn của chị, Hội đồng xét xử cần căn cứ vào Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T có hai người con chung là cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 12/3/2004 và cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 02/12/2005, cháu Nguyễn Văn Đ khỏe mạnh và phát triển bình thường, còn cháu Nguyễn Văn H bị khuyết tật dạng khuyết tật vận động, hàng tháng được hưởng chế độ của nhà nước. Tại

phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị H cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh công việc của chị ở địa phương là chăn nuôi và trồng trọt thu nhập bình quân từ 3.000.000 đồng đến 3.500.000 đồng/tháng, tại phiên tòa hôm nay chị trình bày hiện nay chị đi làm thuê, mức thu nhập bình quân từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/tháng, anh Nguyễn Văn T không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào. Vì vậy để đảm bảo cuộc sống ổn định của các cháu, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các cháu và nguyện vọng của các cháu nên theo Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình cần giao cả hai cháu cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị Trần Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và công nợ chung: Trong quá trình tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà chị Trần Thị H xác nhận vợ chồng chị không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử không công nhận chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 12/3/2004 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi; Xử giao cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 02/12/2005 (cháu bị khuyết tật) cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng

(ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0000161 ngày 04/9/2019. Chị Trần Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện BT (02);
- UBND xã X;
- Đương sự (2);
- Chi cục THADS BT;
- Lưu HS, TA, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(*đã ký*)

Phạm Thị Thu Hằng